TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2017
V/v không công nhận vợ chồng giữa anh N và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Tấn và bà Trần Thị Nơi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Đào Duy N, sinh năm 1979 (có mặt).
2. *Bị đơn*: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1981 (có mặt).

Đều ở địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đào Duy N trình bày: Vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2001, anh và Chị Trịnh Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do thiếu hiểu biết nên anh và chị T không đến Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình để đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau Mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay

anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, anh đề nghị Toà án nhân dân (viết tắt TAND) huyện H giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Đào Duy V, sinh ngày 02/4/2002. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh và chị T thỏa thuận để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa, anh xin nhận nuôi dưỡng cháu V và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về chia tài sản: Anh và chị T thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 01/8/2017 và ngày 25/8/2017 và trong quá trình xét xử vụ án, bị đơn Chị Trịnh Thị T trình bày: Vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2001, chị và anh N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do thiếu hiểu biết nên chị và anh N không đến UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình để đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, kinh tế vợ chồng khó khăn, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay anh N có đơn khởi kiện ly hôn, chị không đồng ý vì chị xác định vẫn còn tình cảm với anh N, nhưng anh N cố tình xin ly hôn thì chị cũng đành chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Đào Duy V, sinh ngày 02/4/2002. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị xin nhận nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa, mặc dù chị rất muốn nuôi con nhưng do chị chưa có chỗ ở ổn định nên chị để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, anh N không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N, chị cũng đồng ý.

Về chia tài sản: Chị và anh N thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh N và chị T. Về nuôi con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh N, chị T để anh N trực tiếp nuôi con chung Đào Duy V, sinh ngày 02/4/2002 và chị T không phải cấp dưỡng nuôi

con cùng anh N. Về chia tài sản: Anh N, chị T thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Đào Duy N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Chị Trịnh Thị T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Đào Duy N chung sống với Chị Trịnh Thị T do tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh N, chị T chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N, chị T tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh N và chị T thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Mâu thuẫn căng thẳng anh N, chị T sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Qua xác minh tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/8/2017 thì trong sổ gốc đăng ký kết hôn của UBND thị trấn H năm 2001 thì không có tên anh Đào Duy N và Chị Trịnh Thị T. Do đó, việc anh N, chị T chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Việc anh N khởi kiện ly hôn chị T phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận và tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh N và chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh N và chị T có 01 con chung là Đào Duy V, sinh ngày 02/4/2002. Anh N và chị T thỏa thuận để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N, thấy sự tự nguyện của anh N, chị T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần giao cháu V cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: Anh N và chị T thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27, điểm đ tiểu mục 1.3 mục I phần II Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Đào Duy N và Chị Trịnh Thị T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Đào Duy N trực tiếp nuôi cháu Đào Duy V, sinh ngày 02/4/2002. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản:* Anh N và chị T thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Đào Duy N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004856 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Trần Thị Nhàn

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.